TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH LỘC
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST
Ngày 18/01/2024
V/v: *Ly hôn.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỘC, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tường Vân

Bà Mai Thị Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Trà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thuý – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 01 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 94/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2023 về việc "Ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2023/QĐST – HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị H – sinh năm 1992

Nơi ĐKHKTT: Thôn 8, xã A, huyện V, tỉnh T.

Nơi ở hiện nay: Xóm B, xã H, huyện V, tỉnh T.

Có mặt tại phiên toà.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T – sinh năm 1995.

Nơi ĐKHKTT và nơi ở hiện nay: Thôn 8, xã A, huyện V, tỉnh T.

Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02 không có lý do.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 9 năm 2023, bản tự khai ngày 23 tháng 10 năm 2023 và quá trình làm việc tại Tòa án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Trịnh Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Trịnh Thị H và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện V, tỉnh T vào

ngày 11/4/2023. Ngày hai người đi đăng ký kết hôn cũng là ngày chị H chuyển khẩu về gia đình anh T. Sau khi đăng ký kết hôn chị H và anh T chưa được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán và cũng chưa chung sống với nhau ngày nào, chị H cũng chưa về gia đình anh T để ở. Sau khi đăng ký kết hôn được vài hôm thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân: do tính cách không hợp nhau nên vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, cãi vả lẫn nhau, vợ chồng không ai quan tâm đến ai nữa. Vì vậy, chị Trịnh Thị H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không có, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm đến nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên chị Trịnh Thị H không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có công nợ chung nên chị Trịnh Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do, không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ kèm theo nên Tòa án không thu thập được nguyện vọng của anh Nguyễn Văn T.

Tại Biên bản xác minh ngày 06/11/2023, UBND xã A, huyện V, tỉnh T nơi chị H và anh T cư trú cho biết: Chị Trịnh Thị H, sinh năm 1992 quê quán: xóm B, xã H, huyện V, tỉnh T và anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1995 quê quán, nơi ĐKHKTT và nơi ở hiện nay: Thôn 8, xã A, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện V, tỉnh T vào ngày 11/4/2023. Sau khi đăng ký kết hôn chị H chuyển khẩu về nhà anh T nhưng thực tế chị H chưa về nhà anh T để ở. Chị H và anh T chưa tổ chức cưới, hỏi theo phong tục tập quán. Vì vậy, chị H và anh T chưa chung sống với nhau tại thôn 8, xã A nên chính quyền địa phương cũng không biết vợ chồng chị H, anh T mâu thuẫn với nhau như thế nào, nguyên nhân mâu thuẫn từ đâu. Vợ chồng chị Trịnh Thị H và anh Nguyễn Văn T chưa có con chung.

Tại phiên tòa chị Trịnh Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa như sau:

- Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay, thấy rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn của mình và tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã tuân theo đúng quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02 không có lý do.

- Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ cũng như tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trịnh Thị H, xử cho chị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

-Về án phí: Chị Trịnh Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Về quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Trịnh Thị H có đơn khởi kiện về việc ly hôn đối với anh Nguyễn Văn T có hộ khẩu thường trú tại xã A, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là vụ án: "Ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Anh Nguyễn Văn T đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn cố tình không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Các thủ tục đã được tiến hành đảm bảo theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự chứng tỏ anh Nguyễn Văn T cố tình trốn trách nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Trịnh Thị H và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện V, tỉnh T vào ngày 11/4/2023. Xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Trịnh Thị H và anh Nguyễn Văn T là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chưa chung sống với nhau nhưng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn thường xuyên bất đồng quan điểm, cãi vã xúc phạm lẫn nhau, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm đến nhau nữa. Nay, chị H xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn nữa nên đề nghị được giải quyết ly hôn với anh T. Quá trình giải quyết vụ án anh T đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không đến Tòa án làm việc để trình bày quan điểm cũng như tham gia các phiên hòa giải, điều đó thể hiện anh T không quan tâm đến việc Tòa án đang giải quyết vụ án, không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cuộc sống hôn nhân giữa chị Trịnh Thị H và anh Nguyễn Văn T đã thực sự tan vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Trịnh Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Trịnh Thị H và anh Nguyễn Văn T không có con chung nên chị H không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Trịnh Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Trịnh Thị H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 177, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 5, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Trịnh Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về án phí: Chị Trịnh Thị H phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0004930 ngày 26/9/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. (Chị H đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm).

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị H, vắng mặt anh T. Chị Trịnh Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hương Giang

Nơi nhận:
- VKSND huyện Vĩnh Lộc;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Lộc;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- UBND xã A;
- Lưu hồ sơ vụ án